

Số: 34/2024/QĐST-HNGĐ

Bình Sơn, ngày 28 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 133/2024/TLST-HNGĐ ngày 20/02/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kiều O, sinh năm 1991; nơi thường trú: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh Nguyễn Bảo Đ, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào các Điều 48, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/02/2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/02/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Kiều O và anh Nguyễn Bảo Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Giao cho chị Phạm Thị Kiều O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Phạm Kiều U, sinh ngày 11/9/2012 và cháu Nguyễn Phạm Nhã P, sinh ngày 12/3/2019; giao cho anh Nguyễn Bảo Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Phạm Anh K, sinh ngày 19/12/2016.

Anh Nguyễn Bảo Đ và chị Phạm Thị Kiều O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.2. Anh Nguyễn Bảo Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Nguyễn Phạm Nhã P mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng); thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự (ngày 28/02/2024) cho đến khi cháu Nguyễn Phạm Nhã P đủ 18 tuổi.

2.3. Chị Phạm Thị Kiều O và anh Nguyễn Bảo Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung trong vụ án này và trình bày không có nợ chung.

2.4. Chị Phạm Thị Kiều O tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị O đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000968633 ngày 20/02/2024 thông qua Công Dịch vụ công quốc gia và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,

7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Đô